

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 6 - 2022

V/v ly hôn giữa bà T và ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình

Bà Trần Thị Hải Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T – Sinh năm 1976 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Xóm T, xã Nam H, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Ông Đặng Xuân H – Sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Nam H, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2022 và bản tự khai ngày 21 tháng 4 năm 2022 nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Đặng Xuân H đều đã kết hôn lần đầu, có con riêng và đã được giải quyết ly hôn. Đến năm 2010 bà quen ông H và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Nam H, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong công việc không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 9 năm 2021 bà và ông H đã sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa bà và ông H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Đặng Xuân H đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng ông không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Đặng Xuân H.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Ông Đặng Xuân H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa ông H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Đặng Xuân H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam H, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 03/02/2010, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống không thể cách khắc phục được. Từ tháng 9 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa, bà đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Ông Đặng Xuân H biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa bà T với ông, nhưng ông không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà T và ông H không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn ông Đặng Xuân H của bà Lê Thị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông H không có con chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không có đề nghị gì về việc giải quyết tài sản nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Đặng Xuân H.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai số 0004611, ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Nam H;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh